

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO HIỆN NAY

HỒ BÁ THÂM (*)

I. VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ TIẾP CẬN TÔN GIÁO

Tôn giáo từ khi xuất hiện đến ngày nay luôn luôn được nghiên cứu, khám phá nhằm tìm ra bản chất thực của nó để từ đó xây dựng một thái độ quan hệ và ứng xử với tôn giáo. Nhận thức và đánh giá về tôn giáo luôn luôn có những ý kiến, quan niệm khác nhau, không chỉ do lập trường tư tưởng mà còn do phương pháp tiếp cận.

Đã có nhiều cách tiếp cận tôn giáo. Chẳng hạn những người đứng trên lập trường duy vật thì phê phán tôn giáo là hiện tượng mang tính duy tâm, những người đứng trên lập trường chính trị thì xem xét tôn giáo có lợi hay không có lợi cho chế độ chính trị, lực lượng xã hội đang cầm quyền. Do đó có Nhà nước gắn kết với tôn giáo như trong xã hội phong kiến thường thấy và ở đó hệ tư tưởng tôn giáo là hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền; hoặc tách tôn giáo ra khỏi Nhà nước và phê phán tính thần quyền của tôn giáo như trong thời kì đầu của cách mạng tư sản. Nhìn một cách biện chứng duy vật sẽ thấy tôn giáo như một hiện tượng lịch sử trong mối quan hệ với đời sống xã hội, mặc dù có vẻ thoát li trần gian, mang tính siêu nhiên, từ đó đánh giá đúng mặt tích cực và tiêu cực của tôn giáo. Nhìn theo quan điểm nhân văn đúng đắn sẽ thấy hạt nhân tích cực chủ

yếu trong tôn giáo là chủ nghĩa nhân đạo, phản ánh những nhu cầu, những khát vọng chính đáng của con người về mặt tình cảm như lòng từ bi, bác ái, nhân nghĩa và sự tu luyện đạo đức và tính hướng thiện của con người. Do vậy tôn giáo được coi như một sự cứu rỗi con người trong một thế giới đầy những khó khăn, bất trắc, bí ẩn khó lường trước được như thiên tai, dịch họa, sự bất công trong xã hội, sự bất lực trước các thế lực bên ngoài cá nhân, v.v...

Có nhiều góc độ nghiên cứu tôn giáo. Nghiên cứu lịch sử hình thành tôn giáo, các giáo lí, hình thức tổ chức, hoạt động của từng tôn giáo cụ thể, đó là góc độ Tôn giáo học. Nghiên cứu khái quát hơn về mặt thế giới quan, mặt ý thức xã hội để nhận thức chung về nguồn gốc, bản chất, vai trò của tôn giáo là tiếp cận ở góc độ lí luận Triết học. Hiện nay có một cách tiếp cận đáng chú ý là tiếp cận theo Văn hoá học tức là tiếp cận theo góc nhìn văn hoá. Cách tiếp cận này cùng với cách tiếp cận nhân văn cho ta một cách nhìn nhân bản về tôn giáo, khắc phục cách nhìn chỉ thấy mặt tiêu cực, không hợp lí của tôn giáo mà không thấy mặt tích cực, tính chất nhân văn, sự đóng góp của sinh hoạt văn hoá tôn giáo trong đời sống văn hoá dân tộc. Nhưng hiện nay đôi khi người ta lại

*. TS., Nxb Chính trị Quốc gia tại TP. Hồ Chí Minh.

thường nói nhiều về mặt tích cực của tôn giáo, do đó có quan niệm coi tôn giáo như là liều thuốc vạn năng có thể chữa trị được mọi bệnh xã hội, xoá bỏ được áp bức bất công, bảo vệ được môi trường sinh thái, v.v... mà không thấy những hạn chế thực sự của nó.

Hiện nay không chỉ nghiên cứu tôn giáo về mặt lịch sử mà còn nghiên cứu về mặt đương đại; không chỉ nghiên cứu từng tôn giáo cụ thể mà còn phải nghiên cứu các chuyên đề liên quan đến nhiều tôn giáo (ví dụ: tư duy tôn giáo, niềm tin tôn giáo, đạo đức tôn giáo, trí thức trong tôn giáo, tâm linh tôn giáo, v.v...) nghiên cứu tôn giáo ở cấp độ quốc tế, cấp độ quốc gia, cấp độ vùng miền, địa phương. Chúng tôi đang quan tâm đến vấn đề tôn giáo vùng và những vấn đề văn hoá, vấn đề nhân văn trong đời sống tôn giáo đối với công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cần nghiên cứu tôn giáo một cách toàn diện để nắm bắt và hiểu một cách đầy đủ các hiện tượng tôn giáo nói chung và từng tôn giáo cụ thể nói riêng đang biến đổi cùng thời cuộc. Phương pháp luận đáng tin cậy nhất của sự nghiên cứu về tôn giáo là phương pháp luận duy vật biện chứng- lịch sử- nhân văn của chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, một phương pháp luận hội đủ cả 3 phương diện duy vật - biện chứng - nhân văn hay nói cách đơn giản hơn đó là một cách nhìn hiện thực, cụ thể và nhân bản đối với các vấn đề tôn giáo.

II. TÍNH PHỨC TẠP VÀ MÂU THUẤN TRONG SỰ VẬN ĐỘNG VÀ BIẾN ĐỔI CỦA TÔN GIÁO

Nghiên cứu lịch sử ra đời và biến đổi của 10 tôn giáo lớn trên thế giới (trong đó ba tôn giáo lớn nhất là Kitô giáo, Phật giáo, Hồi giáo), chúng ta thấy rằng tôn giáo là một hiện tượng xã hội hết sức nhạy cảm và phức tạp với những mâu thuẫn phát triển lúc thịnh, lúc suy. Tôn giáo là một hiện tượng mâu thuẫn vừa sáng vừa tối, vừa thực vừa ảo, có mặt gắn với đời sống, nhưng có mặt rất thần bí, khó nắm bắt. Muốn hiểu tôn giáo phải nghiên cứu một cách toàn diện, cụ thể, biện chứng trên nền tảng tri thức triết học và lịch sử nhất định. Nhìn từ lịch sử đến thời hiện đại, chúng ta có thể chỉ ra, những xu hướng mang tính mâu thuẫn đặc trưng của thế giới tôn giáo như sau.

Một là, tôn giáo là sản phẩm của sự phát triển xã hội ở một trình độ nhất định. Đó là sự phản ánh mang tính chất hư ảo thế giới hiện thực, do đó nó có xu hướng thoát li hiện thực, hướng tới một thế giới siêu nhiên, hướng tới một thế giới của cái thiện như là một sự phủ định đối với thế giới hiện thực đầy đau khổ. Như vậy, ngay nguồn gốc ra đời của nó đã là một mâu thuẫn phản ánh khát vọng của con người, phản ứng lại thế giới hiện thực không xứng đáng với con người để vươn tới một thế giới Người hơn nhưng lại đặt nó ra ngoài thế giới của con người tức là thế giới siêu nhiên phi hiện thực.

Hai là, tôn giáo nói chung mang một tính chất siêu nhiên nhưng nó không thể không gắn với xã hội nên luôn luôn có xu hướng nhập thế và thế tục hoá với mức độ này hoặc mức độ khác. Hai mặt đó như có sự nương tựa lẫn nhau, nhưng ở mức độ nào đó lại bài trừ nhau. Ngày nay xu hướng thế tục hoá đang ngày càng thể hiện rõ nét trong các tôn giáo. Do vậy

ngay trong những người có tôn giáo cũng cho rằng vấn đề là sau khi sinh ra sống như thế nào cho xứng đáng với con người chứ không phải là vấn đề sau cái chết "sống" như thế nào.

Ba là, tôn giáo là thế giới của tâm linh, nó vô hình và mờ ảo. Ở đây chỉ cần cảm nhận chỉ cần tin tưởng mang tính chất vô thức, bản năng gần như loại trừ cái lí tính, cái khoa học. Nhưng trước sự phát triển của khoa học và sự trưởng thành lí tính của con người, các tôn giáo lại muốn thích nghi điều hoà với khoa học, lợi dụng khoa học để chứng minh cho tôn giáo. Đây cũng là mâu thuẫn phức tạp của sự phát triển thế giới tinh thần của con người. Tất nhiên con người có cả nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng và nhu cầu khoa học trong sự phát triển nhân cách và hoạt động của mình.

Bốn là, tôn giáo là một lĩnh vực thể hiện quyền lực của thần thánh muốn thoát khỏi quyền lực của xã hội, nhưng trên thực tế tôn giáo luôn gắn với xã hội, trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến chính trị. Không ít trường hợp thần quyền muốn thống nhất với thế quyền, lại có trường hợp loại trừ nhau, chống đối nhau, thống trị lẫn nhau, hoặc hoàn toàn tách rời nhau. Đôi khi tôn giáo lại muốn đứng ở vị trí trung gian điều hoà các quyền lực chính trị, điều hoà ý thức hệ.

Năm là, tôn giáo trong bản chất nguyên thuỷ của nó là có tính nhân đạo, muốn giải phóng tâm hồn con người khỏi sự ràng buộc của trần thế nhưng khi xuất hiện thành ý thức tôn giáo, các thể chế và trật tự tôn giáo thì lại trói buộc con người. Tôn giáo muốn khai sáng tâm hồn con người nhưng lại đưa con người vào

thế giới sương mù, ảo ảnh. Tôn giáo là cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác bằng con đường giáo hoá, rèn luyện tâm linh, tu dưỡng đạo đức nhưng trong lịch sử tôn giáo đã từng xảy ra những cuộc chiến tranh tôn giáo, và cũng đã có những tôn giáo từng sử dụng vũ lực, sử dụng chuyên chế đối với lí tính và khoa học, đối với những lực lượng xã hội không theo ý muốn của họ.

Sáu là, trong bản thân mỗi tôn giáo cũng luôn luôn chia ra các trường phái cải cách và bảo thủ, vừa cùng nhau phát triển, lại có lúc đấu tranh kịch liệt với nhau. Trong các tôn giáo cũng có tình trạng tự phê phán, tự ý thức, phản tỉnh để phát triển phù hợp với xu thế biến đổi của xã hội. Trong sự biến đổi muôn vẻ của tôn giáo vừa có tính khả biến, đồng thời cũng có tính bất biến.

Bảy là, tôn giáo ra đời và muốn tồn tại vĩnh viễn, tự khẳng định mình như là một thế giới của sự vĩnh hằng. Nhưng trên thực tế tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội nên về mặt khách quan sự tồn tại của nó sẽ do tồn tại xã hội quyết định. Do đó đến một trình độ phát triển xã hội đặc biệt cao khi mà ở đó không còn tồn tại các điều kiện làm cho tôn giáo phát triển, thì nó sẽ *tự tiêu vong*. Tuy vậy, đến lúc đó đời sống tâm linh và tín ngưỡng vẫn tồn tại như là nhu cầu riêng của con người với các mức độ khác nhau, nhưng không mang hình thức tôn giáo với tư cách là tôn giáo mà loài người đã biết. Điều này cũng giống như sự tự tiêu vong của Nhà nước vậy. Đó là một tất yếu khách quan không phụ thuộc vào ý chí của con người. Do vậy vấn đề không phải là "xoá bỏ" hay không "xoá bỏ" tôn giáo. Đó là sự tự giải quyết của những mâu

thuần xã hội được phản ánh vào trong các mâu thuẫn của tôn giáo khi xã hội đã chuyển sang một giai đoạn hoàn toàn khác về chất mà tương lai loài người đang hướng tới.

Tám là, tôn giáo luôn muốn trở thành một xu hướng phát triển của thế giới, một quyền lực thế giới. Do vậy, nó được lan toả, truyền bá khá rộng rãi và cũng được quần chúng nhiều dân tộc tiếp thu, dựa vào nó, đi theo nó một cách tự nguyện. Tôn giáo muốn thoát li địa bàn dân tộc để trở thành tôn giáo không biên giới. Nhưng đồng thời tôn giáo cũng luôn gắn liền với dân tộc và văn hoá dân tộc và xu hướng dân tộc độc lập đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự độc lập của tôn giáo trong từng nước, từng cộng đồng dân tộc, tức là khi đã xâm nhập vào một cộng đồng dân tộc nhất định, tôn giáo lại mang bản sắc văn hóa của dân tộc đó và từng bước biến thành tôn giáo dân tộc. Tất nhiên tính thế giới và tính dân tộc của tôn giáo cũng là một mâu thuẫn tự điều chỉnh, tự giải quyết nhưng ở một mức độ nào đó cũng tạo ra sự rạn nứt trong bản thân từng tôn giáo.

Từ sự trình bày trên đây chúng ta thấy rằng không nên nhận thức đơn giản một chiều đối với tôn giáo như có thời chúng ta đã từng nhận thức. Chính vì vậy, khi nghiên cứu tôn giáo, chúng ta cần đề cập một cách toàn diện các vấn đề liên quan đến nó từ lịch sử hình thành và phát triển đến các khía cạnh như thế giới quan tôn giáo, nhận thức luận tôn giáo, đạo đức tôn giáo, tâm lí tôn giáo, tri thức tôn giáo, văn hóa tôn giáo, v.v... Có hiểu được một cách toàn diện như vậy chúng ta mới hiểu được vai trò tôn giáo trong đời sống dân tộc.

III. TÔN GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ DÂN TỘC

Văn hoá tôn giáo đã in đậm vào quá trình hình thành bản sắc văn hoá dân tộc, và trở thành một mặt trong tâm thức dân tộc không thể phân chia. Tôn giáo và văn hoá dân tộc quả là một đề tài hấp dẫn cần được nghiên cứu sâu.

Ở nước ta, tôn giáo cũng đã có từ xa xưa gắn liền với các hiện tượng tín ngưỡng dân gian. Dân tộc ta có đạo Mẫu như một tín ngưỡng bản địa có tính tôn giáo. Sau này cũng có tôn giáo mang tính chất bản địa xuất hiện ở Việt Nam như đạo Cao Đài, đạo Hoà Hảo. Còn đa phần là các tôn giáo được du nhập từ nước ngoài vào như Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Kitô giáo và Hồi giáo và tạo chỗ đứng trong đời sống của dân tộc ở từng bộ phận dân cư.

Qua việc nghiên cứu các nguồn gốc tôn giáo cần thấy rằng, tuy tôn giáo là sự phản ánh mang tính chất hư ảo thế giới hiện thực, nhưng sự xuất hiện và tồn tại của nó không phải hoàn toàn vô cớ, không phải là một sai lầm không đáng có của con người. Hiểu như thế mới thấy được tôn giáo là một nhu cầu chính đáng của một bộ phận dân cư. Họ tìm thấy ở tôn giáo một chỗ dựa tinh thần nào đó khi trong cuộc sống, trong nhận thức, trong tình cảm gặp phải những khó khăn, trở ngại không thể vượt qua được, nhất là những rủi ro, bất trắc do tự nhiên hay xã hội đưa lại. Đó là nhu cầu về sự yên ổn, tu tâm dưỡng tính, hướng thiện, chống lại cái ác của một xã hội còn chiến tranh, còn áp bức, còn bóc lột, còn bất công. Thực chất của tôn giáo là nguyện vọng hướng tới sự an toàn, sự yên bình, sự hạnh phúc

của con người, nhưng là hướng tới một cách hư ảo, không phải ở trần gian mà là ở chốn Thiên Đường, cõi Niết Bàn, hoặc trong tâm tưởng vô định của con người thoát li thế giới hiện thực.

Từ bản chất nguyên thủy của nó, tôn giáo thuộc về văn hoá. Những hình thức hoạt động tôn giáo với những giáo lí của nó mang tính chất văn hoá nhằm nâng cao nhân tính của con người, mặc dù có khi mang tính chất vô thức, không tự giác. Trong quá trình phát triển của đời sống văn hoá dân tộc, các tôn giáo đã góp vào những phẩm chất văn hoá và những hình thức sinh hoạt văn hoá làm phong phú thêm đời sống văn hoá dân tộc, bản sắc văn hoá dân tộc.

Đời sống văn hoá dân tộc dù ở mặt nhận thức trí tuệ, hay ở mặt tình cảm, tâm lí, thẩm mỹ, tâm linh, v.v... thì trước hết và chủ yếu là sản phẩm của cuộc đời thực của những cộng đồng và những con người thực trong lao động và đấu tranh trên trần gian, nơi họ đã từng ước mơ và đau khổ, bi thảm và hùng tráng, thấp hèn và cao đẹp. Đó là quá trình vươn tới hạnh phúc ở trần gian, ở trong đời người chứ không phải ở thế giới siêu nhiên.

Trong quá trình tiến hoá của lịch sử dân tộc Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước, nói rộng ra là chủ nghĩa nhân văn đầy trí tuệ, là một dòng chảy chủ yếu của nền văn hoá Việt Nam, tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc mà nhờ nó dân tộc được bảo tồn và phát triển, không bị các dân tộc khác đồng hoá. Và cũng nhờ cái bản sắc văn hoá đó mà chúng ta có thể tiếp thu, cải biến văn hoá của các dân tộc khác, trong đó có văn hoá tôn giáo.

Đã có thời kì Phật giáo là quốc giáo, đó là thời kì Lý - Trần từ thế kỉ XI đến thế

kỉ XIII và sau đó từ thế kỉ XVI thì Nho giáo lại là quốc giáo (đến cuối thế kỉ XIX). Những tôn giáo đó nhìn về hình thức như là hệ tư tưởng của dân tộc, nhưng thực chất cốt lõi của hệ tư tưởng dân tộc Việt Nam xuyên suốt lịch sử là chủ nghĩa yêu nước gắn với lợi ích của dân tộc. Phật giáo đời Lý- Trần dù có tạo ra được những tình cảm nhân văn và đóng vai trò tích cực trong sự phát triển của đất nước lúc bấy giờ thì cũng không phải là cái chủ yếu trong tư tưởng dân tộc. Tuệ Trung Thượng Sĩ và phái Thiên Trúc Lâm muốn phát huy tác dụng tích cực của mình thì cũng đã tự cải biến mình để gắn chặt với thực tại, gắn chặt với chủ nghĩa yêu nước, với truyền thống dân tộc, với tinh thần "Sống và hành động hết mình... vì lợi ích của bản thân và lợi ích của dân tộc". Nguyễn Trường Tộ, một trí thức Công giáo yêu nước, với một bầu nhiệt huyết suy tư trăm trở, hiến kế việc nước, việc dân, việc đời cũng cho ta một gương sáng như vậy.

Chừng nào tôn giáo được thể tục hoá cùng lo việc dân, việc nước và giữ được vẻ trong sáng của tinh thần nhân văn thì nó có tác dụng tích cực đối với sự phát triển văn hoá dân tộc. Nhưng cũng cần thấy rằng động lực thực sự của sự phát triển dân tộc chủ yếu là lao động sản xuất để thoả mãn nhu cầu sống còn, là đấu tranh cứu nước và giữ nước để giành nền độc lập dân tộc, gắn số phận gia đình với đất nước, bảo vệ và phát triển những giá trị văn hoá và trí tuệ dân tộc... chứ không phải là bản thân đời sống văn hoá tôn giáo, sự cầu nguyện tôn giáo, sự tu luyện tôn giáo, sự hướng thiện trong tôn giáo.

Hiểu đúng bản chất của tôn giáo, Hồ Chí Minh có một cách nhìn khoa học

nhân văn, bao dung đối với tôn giáo. Người đề ra đường lối tự do tín ngưỡng, đoàn kết tôn giáo để thực hiện một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và tiến bộ.

Do vậy, trong quá trình kháng chiến và kiến quốc, đồng bào có đạo đã phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, đi theo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, góp sức mình vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Một số kẻ lợi dụng tôn giáo phục vụ cho chủ nghĩa thực dân đã bị vạch mặt, lộ nguyên hình là quỷ sa tăng phản cả đạo cả đời, phản cả Chúa cả Phật... phản cả Tổ quốc. Một số ít đồng bào theo đạo lầm đường đã nhận ra đâu là chính nghĩa, đâu là phi nghĩa và đã trở về với cộng đồng dân tộc dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh thấm nhuần chủ nghĩa nhân văn mới: kính Chúa, yêu Nước; hoặc Đạo Pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội.

Trong công cuộc kiến thiết đất nước, đổi mới và phát triển hiện nay đồng bào có đạo đã tích cực phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, phát huy và đẩy mạnh hoạt động văn hoá góp phần xây dựng nền văn hóa mới, nhất là ở các cơ sở; hoặc các hoạt động tôn giáo gắn liền với cuộc đời nhiều hơn, hiện đại hoá cơ sở vật chất, hoạt động theo hướng "tốt đời đẹp đạo".

Với quan điểm văn hoá nhân văn, chúng ta không phân biệt những người có tôn giáo hay không có tôn giáo, tất cả đều là con Hồng cháu Lạc, đều là công dân nước Việt Nam, đều có những nhu cầu hướng tới cuộc sống giàu đẹp, hạnh phúc, đều cùng đoàn kết, chung lưng đấu cật xây dựng một cuộc sống ấm no, vui tươi, lành mạnh cho bản thân mình, cho gia

đình mình, cho đất nước mình và cho các thế hệ con cháu mình mai sau. Đó cũng là sự gặp gỡ trước hết giữa văn hoá mác xít, văn hoá Hồ Chí Minh với văn hoá tôn giáo. Nói một cách vắn tắt tự bản thân của nó, chủ nghĩa nhân văn tôn giáo và chủ nghĩa nhân văn mác xít là không loại trừ nhau mà về cơ bản có điểm chung như chính Hồ Chí Minh đã hiểu và làm như vậy.

IV. TÔN GIÁO VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HIỆN NAY

Người Cộng sản Việt Nam nhận thức rằng tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Mọi công dân có quyền tự do theo hay không theo một tôn giáo nào và quyền đó được pháp luật bảo hộ. Mọi công dân, dù có tôn giáo hay không có tôn giáo đều có những quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, đều phải có trách nhiệm đối với quê hương, đất nước. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn chú ý đến sự tương đồng trong nguyện vọng, lợi ích giữa những người có đạo và không có đạo. Do đó người Việt Nam có đạo hay không có đạo đều có truyền thống yêu nước, đoàn kết chống ngoại xâm. Đảng ta đã phát huy được truyền thống đó, đoàn kết được cả đạo và đời, xây dựng một tình thương yêu lẫn nhau, không phân biệt tôn giáo tín ngưỡng, cùng nhau tham gia kháng chiến cứu nước, góp sức to lớn vào sự nghiệp giành độc lập cho dân tộc và xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no hạnh phúc. Thực sự là đồng bào các tôn giáo đã gắn bó với cách mạng, với dân tộc, tin tưởng vào Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng do Người sáng lập, rèn luyện.

Ngày nay Đảng và nhân dân ta tiếp tục xây dựng cuộc sống mới, xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực kinh tế xã hội. Đồng bào có đạo hay không có đạo thực sự đang đi theo đường hướng đó. Việc đời việc đạo hoà quyện nhau khó tách rời. Các tôn giáo vừa chăm lo việc đạo, vừa phát huy những bản chất tốt đẹp trong các tôn giáo để xây dựng quê hương đất nước theo hướng dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, con người hạnh phúc.

Trong kháng chiến cũng như hiện nay, các thế lực đế quốc thực dân và phản động luôn luôn lợi dụng mặt tiêu cực của tôn giáo, những khó khăn trong đời sống của quần chúng theo đạo, sự hạn chế trong hiểu biết của họ để thực hiện những mưu đồ đen tối chống lại cách mạng, đi ngược lại lợi ích chính đáng của quần chúng nhân dân, đi ngược lại lí tưởng tốt đẹp của tôn giáo. Đây là vấn đề chính trị hết sức phức tạp cần đánh giá đúng và phải làm cho mọi người dân, trước hết là trong đồng bào có đạo, đồng tình với nhận thức và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, có như thế mới giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh này.

Song cũng có một thực tế khác gây sự hiểu lầm, mặc cảm giữa cách mạng và tôn giáo, đó là những sai lầm, thiếu sót lúc này lúc khác, nơi này, nơi khác của một số cán bộ cách mạng. Nhưng *chủ yếu vẫn là do sự tuyên truyền xuyên tạc của kẻ địch* với luận điểm cho rằng cách mạng, cộng sản là xoá bỏ tôn giáo, đàn áp

tôn giáo, giữa cách mạng và tôn giáo không đội trời chung (?). Thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam từ trước đến nay, chưa bao giờ diễn ra như vậy. Không thể nói rằng cách mạng, cộng sản, chủ nghĩa xã hội là xoá bỏ tôn giáo. Tuy rằng, giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội có những vấn đề khác nhau chủ yếu về con đường, phương pháp thực hiện chủ nghĩa nhân đạo. Nhưng giữa chủ nghĩa nhân đạo mácxít, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh và chủ nghĩa nhân đạo tôn giáo không có sự loại trừ nhau mà ngược lại còn có nhiều nội dung giống nhau. Nói cách khác, một số nội dung đạo đức tôn giáo phù hợp với đạo đức xã hội chủ nghĩa. Do vậy, tôn trọng và khuyến khích phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo luôn là một trong những nguyên tắc và chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời Nhà nước ta cũng kiên quyết xử lí theo pháp luật mọi hành vi lợi dụng hoạt động tôn giáo để làm mất trật tự an toàn xã hội, phương hại nền độc lập dân tộc, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, chống lại Nhà nước CHXHCN Việt Nam, gây tổn hại các giá trị đạo đức, lối sống, văn hóa của dân tộc"...

Với nhận thức đúng đắn, với đường lối, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về công tác tôn giáo, tín đồ, chức sắc các tôn giáo đã và đang hòa nhập cùng cộng đồng trong công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm xây dựng thành công một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh./.